

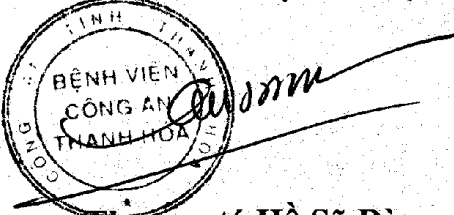
4. Dự kiến về các điều khoản thanh toán hợp đồng:

- Đồng tiền thanh toán: VNĐ
- Thời hạn thanh toán: 90 ngày kể từ ngày giao hàng và công ty xuất trình đầy đủ chứng từ thanh toán.
- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: BV (KD).

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN



The stamp is circular with the text "TỈNH THANH HOÁ" at the top, "CÔNG AN THANH HOÁ" in the middle, and "BỆNH VIỆN" at the bottom. A handwritten signature is written across the stamp.

Thượng tá Hồ Sỹ Đàn

(Kèm theo Thông báo yêu cầu báo giá ngày 24/07/2024 của Bệnh viện)



I. Thuốc phục vụ công tác nội song gây mê

STT	Hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Dạng bào chế, đường dùng	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Simethicone	Nhóm 4	1g	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai	50	Thuốc làm tan bọt dạ dày
2	Natri bicarbonate + Macrogol 4000 + Sodium Chloride + Natri sulfat + Potassium	Nhóm 1	1.68g + 64g + 1.46g + 0.1g + 5.7g + 0.75g	Bột pha dung dịch uống	Gói	2,400	Thuốc làm sạch đại tràng
3	Monobasic natri phosphat + dibasic natri phosphat	Nhóm 1	19g + 7g; 118ml	Thuốc thụt hậu môn/trực tràng	Chai	1,600	Thuốc thụt tháo
4	Propofol	Nhóm 1	0.5%; 20ml	Nhũ tương tiêm truyền	Ống	2,000	Thuốc gây mê

II. Hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế, sinh phẩm chẩn đoán

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1. HOÁ CHẤT DÙNG CHO CÁC MÁY HUYẾT HỌC CELLTAC α, HÃNG SẢN XUẤT: NIHON KONDEN				
1	Hóa chất dùng để pha loãng máu cho đếm tế bào	Dùng làm chất pha loãng cho máy phân tích huyết học Độ pH: ≥ 7.55 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Sodium chloride 0.44%, Sodium sulphate anhydrous 0.97% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 60 ngày	ml	432,000

ky

2	Hoá chất rửa thường dùng cho máy phân tích huyết học	"Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Độ pH: $\geq 8,3$ Tính tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene tridecylether: 0.049% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 180 ngày	ml	20,000
3	Hóa chất ly giải hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học 3 thành phần bạch cầu	Dùng làm chất ly giải cho máy phân tích huyết học Độ pH: ≥ 7 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Muối amoni bậc 4 3.7% Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày	ml	10,000
4	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học loại đậm đặc	Dùng làm chất rửa cho máy phân tích huyết học Độ pH: ≥ 13 Tính tan: tan trong nước Thành phần: Dung dịch Natri hypoclorit Nhiệt độ bảo quản: 1 đến 30°C Độ ổn định sau khi mở nắp: 90 ngày	ml	5,000

2. HOÁ CHẤT DÙNG CHO CÁC MÁY XÉT NGHIỆM AU480, HÃNG SẢN XUẤT: BECKMAN COULTER

1	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglyceride ; dải đo: 0.1-11.3 mmol/L; phương pháp: GPO-POD; bước sóng 660/800 nM. Thành phần: 4-Aminoantipyrine 0.5 mmol/L; Lipases 1.5 kU/L (25 μ kat/L); Glycerol kinase 0.5 kU/L (8.3 μ kat/L); Peroxidase 0.98 kU/L (16.3 μ kat/L); Ascorbate oxidase 1.48 kU/L (24.6 μ kat/L); Glycerol-3-phosphate oxidase 1.48 kU/L (24.6 μ kat/L);	ml	1,900
2	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid ; dải đo: 89-1785 μ mol/L ; phương pháp: Enzymatic colour. Thành phần: Phosphate Buffer (pH 7.5) 42 mmol/L; MADB 0.15 mmol/L; 4-Aminophenazone 0.30 mmol/L; Uricase ≥ 0.25 kU/L (4.15 μ kat/L);	ml	1,530
3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm ALT ; dải đo: 3-500U/L ; phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: L-Alanine 500 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH ≥ 1.8 kU/L; NADH 0.20 mmol/L;	ml	2,088
4	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST	Hóa chất dùng cho xét nghiệm AST ; dải đo: 3-1000 U/L ; Phương pháp dựa trên khuyến nghị của IFCC. Thành phần: L-aspartate 240 mmol/L; 2-Oxoglutarate 12 mmol/L; LDH ≥ 0.9 kU/L; MDH ≥ 0.6 kU/L; NADH 0.20 mmol/L;	ml	1,776

5	Chất định lượng Creatinin	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine ; dải đo: 5-2200 $\mu\text{mol/L}$; phương pháp: Kinetic Jaffe, bước sóng 520/800 nM. Thành phần: Natri hydroxide 120 mmol/L; Axit picric 2,9 mmol/L.	ml	4,080
6	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose ; dải đo: 0.6-45 mmol/L ; phương pháp: Hexokinase, bước sóng 340 nM. Thành phần: Đệm PIPES (pH 7,6) 24,0 mmol/L, ATP \geq 2,0 mmol/L, Hexokinase \geq 0,59 kU/L, G6P-DH \geq 1,58 kU/L	ml	1,350
7	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1. Thành phần bao gồm: Huyết thanh người dạng đông khô chứa hóa chất phụ gia và các enzyme thích hợp có nguồn gốc con người và động vật.	ml	30
8	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2. Thành phần: Huyết thanh người đông khô có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp có nguồn gốc từ người và động vật.	ml	30
9	Hóa chất chuẩn dành cho các xét nghiệm thường quy	Huyết thanh hiệu chuẩn Thành phần: Huyết thanh người có hóa chất phụ gia và enzym thích hợp từ người, động vật và thực vật.	ml	30
10	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol: Xét nghiệm tuyến tính trong phạm vi nồng độ 0.5-18mmol/L	ml	810
11	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ure/Urea nitrogen	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea/Urea nitrogen ; dải đo: 0.8-50 mmol/L ; phương pháp: Urease/GLDH . Thành phần: NADH \geq 0.26 mmol/L; 2-Oxoglutarate \geq 9.8 mmol/L ;Urease \geq 17.76 kU/L; GLDH \geq 0.16 kU/L	ml	1,696
12	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Dung dịch rửa hệ thống. Thành phần bao gồm: Baypur CX 100; Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%	ml	20,000
13	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm HDL. Thành phần:Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa HDL-Cholesterol (người).	ml	3

lgy

14	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm LDL.. Thành phần:Huyết thanh người dạng bột đông khô chứa LDL-Cholesterol (người).	ml	1
15	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm HDL/LDL-Cholesterol. Thành phần: Huyết thanh người dạng đông khô có chứa HDL-Cholesterol và LDL-Cholesterol (người)	ml	10

**3. HÓA CHẤT, VẬT TƯ CHẠY MÁY XÉT NGHIỆM MIỄN DỊCH TỰ ĐỘNG LIAISON,
HÃNG SẢN XUẤT: DIASONRIN**

1	Chất kiểm chuẩn cho các xét nghiệm chỉ tổ ung thư	Dạng dung dịch Thành phần: Chất kiểm chứng 1, mức thấp: các kháng nguyên, huyết thanh người, 0,05% natri azide. Chất kiểm chứng 2, mức cao: các kháng nguyên, huyết thanh người, 0,05% natri azide.	ml	6
2	Chất môi phản ứng	Dạng dung dịch Thành phần: Starter 1 chứa Chất xúc tác, dung dịch natri hydroxid 4%. Starter 2 chứa Hydrogen peroxid 0,12%	ml	1,380
3	Dung dịch rửa hệ thống	Thành phần: Dung dịch đệm phosphate, < 0,1% natri azide	ml	6,000
4	Đầu côn dùng một lần	Đầu côn dùng một lần	Cái	1,152
5	Cóng phản ứng	Cóng phản ứng	Cái	1,800
6	Dung dịch kiểm tra hệ thống	Dạng bột đông khô	ml	24
7	Dung dịch làm sạch ống và kim rửa, dùng cho máy LIAISON XL	Thành phần bao gồm: LIAISON XL CLEAN Integrals (2 khay) và CLEAN Solution vial (10 lọ x 3,5 mL) chứa dung dịch natri hypoclorit	Hộp	1
8	Ca 19-9	Miễn dịch HPQ kẹp, hai bước. Định lượng, dải đo: 0 - 1000 U/mL	Test	200
9	PSA	Miễn dịch HPQ kẹp, hai bước. Định lượng, dải đo: 0 - 300 ng/mL	Test	200
10	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm PSA	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm PSA. Dạng dung dịch	ml	8

lky

11	fpsa	Miễn dịch HPQ kẹp, một bước. Định lượng, dải đo: 0 - 25 ng/mL	Test	200
12	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm fPSA	Chất kiểm chuẩn cho xét nghiệm fPSA. Dạng dung dịch	ml	8
13	T3	Xét nghiệm định lượng T3. Miễn dịch HPQ cạnh tranh, một bước. Định lượng, Dải đo: 0 - 800 ng/dL	Test	200
14	FT4	Xét nghiệm định lượng FT4. Miễn dịch HPQ kỹ thuật kháng nguyên liên kết pha rắn cạnh tranh, một bước. Định lượng, dải đo: 0 - 10 ng/dL hoặc 0 - 128.7 pmol/L	Test	200
15	TSH	Miễn dịch HPQ kẹp, một bước. Định lượng, dải đo: 0 - 100 mIU/L	Test	200

4. HÓA CHẤT, VẬT TƯ Y TẾ

1	Dây bơm dành cho máy huyết học	Dây có độ bền cao, độ đàn hồi tốt Kích thước: chiều dài ~ 10.5cm	Cái	1
2	Bơm tiêm 5ml	Dung tích 5ml kèm kim các cỡ. Bơm được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh. Không chứa độc tố DEHP, không có độc tố và chất gây sốt. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml để thuận tiện cho việc hút thuốc - Pít tổng có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba via. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh, được phủ silicon. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng Đóng gói vô trùng	Cái	8,700
3	Bông y tế	Bông hút nước y tế thành phần chính Cellulose. - Các sợi khác: Không có sợi nào nhuộm màu - Chất màu chiết được: Dung dịch màu trắng đến vàng nhạt - Chất tan trong ether: không quá 0,5% KL - Chất tan trong nước: Không quá 0,5% KL	Kg	88

ldy

		<ul style="list-style-type: none"> - Mất khối lượng do sấy khô: không quá 8% KL - Tro sulfat: Không quá 0,4% KL - Tốc độ thấm hút: ≤8 giây 		
4	Test viêm gan B	<p>Phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong mẫu huyết thanh, huyết tương người, phù hợp để sử dụng trên mẫu phụ nữ mang thai.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy: 100% (Khoảng tin cậy 96.2 - 100%); Độ đặc hiệu: 100% (Khoảng tin cậy 97.9 - 100%) - Thành phần: <ul style="list-style-type: none"> + Phức hợp vàng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng HBs- keo vàng (0.026 ±0.008 µg), keo vàng - IgY gà (0.032 ±0.009 µg) + Vạch thử: Hỗn hợp kháng thể đơn dòng chuột kháng HBs (0.44 ±0.088 µg) + Vạch chứng: Kháng thể đơn dòng chuột kháng gà IgY (0.48 ± 0.096 µg) - Thời gian trả kết quả: 20 phút - Thể tích mẫu sử dụng: huyết thanh/huyết tương: 100 µL; Không cần sử dụng dung dịch đệm cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. - Nhiệt độ bảo quản: 1 – 30 °C - Không có phản ứng chéo với các mẫu HCV, HAV, CMV, EBV, Parvovirus, HIV, VZV, Syphilis, Rubella, HTLV và HSV. - Kít thử ổn định ít nhất 20 tuần khi để ở nhiệt độ 55°C - Ngưỡng phát hiện: 2 IU/ml - Thử nghiệm chất gây nhiễu: 17 loại chất có khả năng gây nhiễu (Rheumatoid factor, Bilirubin, Hemoglobin, Triglycerides, Metronidazole, Mefloquine, Quinine, Primaquine, Pyrimethamine, Ritonavir, Tenofovir disoproxil fumarate, Entecavir, Isoniazid (INH), Aspirin, Paracetamol, Biotin, Caffeine) không gây nhiễu cho sản phẩm. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 	Test	200
5	Phim lazer X Quang 8 x10 inch	<p>Phim X-quang lazer (DI-HL) kích thước 20*25 cm được thiết kế đặc biệt chuyên dùng máy in phim Fujifilm laser Drypix. Cấu tạo gồm 4 lớp: lớp bảo vệ phía trên, lớp nền phim, lớp nhạy quang, lớp bảo vệ phía dưới. Phim có nền xanh, nhạy quang, mật độ quang tối đa: 3.3. Thành phần lớp bảo vệ phía trên: 86% gelatin; lớp nền phim 100% polyethylene terephthalate, độ dày của lớp nền phim: 170µm; lớp nhạy quang: 59% latex polymer và 36% phụ gia nhạy quang; lớp bảo vệ phía dưới: 88% gelatin. Nhiệt độ bảo quản phim mới: 10°C - 25°C, độ ẩm 30-60%RH.</p>	Tờ	2,850

ly

6	Ống EDTA	<p>Ống nghiệm nhựa P. Kích thước 12-13x75mm.. Ống nghiệm đã được hút chân không với thể tích mẫu từ 2.0ml đến 10ml Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c...) - Hóa chất bên trong là Ethylenediaminetetra Acid Dipotassium (EDTA K2) - Nắp đậy ống nghiệm: nắp cao su bọc nhựa, nắp xoắn vặn. - Ống nghiệm được đóng trên đế mous cao hoặc đế mous thấp.</p>	Cái	8,700
7	Que đê lưỡi gỗ	<p>Chất liệu gỗ tự nhiên, sấy khô, đánh bóng. Sản phẩm dùng để khám miệng, lưỡi, họng và chỉ dùng một lần, đảm bảo an toàn cho bệnh nhân trước sự lây nhiễm của các bệnh nguy hiểm qua đường miệng. - Kích thước: 150 x 20 x 2 mm. - Công dụng: Dùng đê lưỡi. - Được tiệt trùng bằng khí E.O - Đóng gói vô trùng 1 cái/1 túi</p>	Cái	17,900
8	Găng khám bệnh	<p>Găng tay có bột, thành phần latex cao su có hàm lượng Protein thấp, hàm lượng bột bột tối đa 10µg/dm² Bề mặt trơn, nhẵn Màu trắng tự nhiên Hàm lượng bột: tối đa 10mg/dm² Cỡ số (rộng; dài tối thiểu): Cỡ size X-S: (≤ 75mm; 240mm); Cỡ size S: (85mm; 240mm); Cỡ size M (95mm; 240mm); Cỡ size L (108mm; 240 mm); Cỡ size XL (113mm; 240mm) Lực kéo đứt và độ giãn dài khi đứt của găng tay; Độ bền kéo và độ giãn dài khi đứt của găng tay: tối thiểu phải đáp ứng tiêu chuẩn Việt Nam về găng tay khám bệnh (TCVN 13397:2021)</p>	Đôi	4,000
9	Gel siêu âm	<p>Trong suốt, không màu hoặc màu xanh, dễ tan trong nước và rửa sạch bằng nước thường. Thành phần chính: Water, Carbomer, Glycerin, Sodium Benzoate, ...Giới hạn nhiễm khuẩn: Mẫu thử phải không có sự hiện diện của các vi khuẩn sau: Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa. Tổng số nấm trong 1g (ml) mẫu thử, nhỏ hơn 10¹ (CFU/g hoặc CFU/ml). Tổng số vi sinh vật hiếu khí: < 10² (CFU/g hoặc CFU/ml). ISO 9001:2015; ISO 13485:2016</p>	Lít	45
10	Ống Heparin	<p>* Kích thước 12-13x75mm. * Dùng xét nghiệm Ion đồ Na⁺, K⁺, Ca²⁺, Cl⁻... trừ Li⁺. * Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparin Lithium, thể tích vừa đủ kháng đông cho 2ml máu.. * Ống nghiệm nhựa chịu được lực quay ly tâm 4000 vòng/ phút trong thời gian 5 phút.</p>	Cái	9,200

ly

11	Khẩu trang y tế	Có 02 lớp vải không dệt 3S: Lớp 1: Vải không dệt trắng; Lớp 2: Vải không dệt xanh; Lớp giữa: Lớp lọc kháng khuẩn (SMS). Vải không dệt 3S; Giấy lọc kháng khuẩn dùng trong y tế không thấm nước, không độc hại, có tác dụng lọc khí, ngăn cản bụi, vi khuẩn. Thanh tựa mũi: bằng nhựa định hình, an toàn khi sử dụng. Dây quai đeo mềm mại không gây kích ứng da.	Cái	3,300
12	Giấy siêu âm	- Là giấy in nhiệt để in kết quả siêu âm, sản khoa. - Kích thước 110 mm × 20 m. - Dung lượng: ≥ 215 bản in cho mỗi cuộn. - Chất liệu: 100% bột gỗ - Quy cách: 80G, độ trắng 99% - Dung sai: ± 1mm - Dùng cho các dòng máy in của hãng Sony, Mitsubishi, máy in video siêu âm khác	Cuộn	174
13	Cồn 70	Nồng độ hàm lượng Ethanol đạt: 70%. - Trong suốt, không màu, có mùi đặc trưng - Quy cách: Can 30 lít - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485: 2016	Lít	90
14	Test nước tiểu 10 thông số	Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leukocyte, SG. - Dải đo của các chỉ số: Protein: 15-30mg/dL albumin Blood: 0.015-0.062mg/dL hemoglobin LeukoCyte: 5-15 Nitrite: 0.06-0.1mg/dL nitrite ion Glucose: 75-125mg/dL Ketone: 5-10mg/dL acetoacetic acid pH: 4.6- 8.0 SG: 1.001-1.035 Bilirubin: 0.4-0.8mg/dL Urobilinogen: 0.2EU/dL	Test	7,900
15	Test HP (Clo-Test)	Phát hiện định tính kháng nguyên H. pylori trong mẫu phân. - Độ nhạy 98,4%; Độ đặc hiệu 100% so với Phương pháp xét nghiệm chức năng hô hấp & xét nghiệm CLO. - Thành phần chính: Phức hợp vàng: Kháng thể đơn dòng kháng Helicobacter pylori từ chuột-chất keo vàng (0,120±0,024 µg), kháng thể đa dòng kháng LDH từ thỏ-chất keo vàng (0,0130±0,0026 µg); Vạch thử: Kháng thể đơn dòng kháng Helicobacter pylori từ chuột (0,640±0,128 µg); Vạch chứng: LDH tái tổ hợp (0,640±0,128 µg) - Giới hạn phát hiện: 2.24 CFU/ml - Không có phản ứng chéo với E. coli, Rotavirus, Chlamydia trachomatis, Salmonella choleraesius, Hemophilus influenzae, Group B Streptococcus, Group C Streptococcus,	Test	1,500

My

		Staphylococcus aureus - Kít thử ổn định ít nhất 4 tuần khi để ở nhiệt độ 55±1°C Tiêu chuẩn ISO, CE		
16	Giấy điện tim 3 cân	Kích thước 63mm*30m*17 mm, chất liệu bằng giấy in nhiệt và có 1 mặt được in dòng kẻ sẵn đếm nhịp điện tim Sử dụng trên các máy đo điện tim, máy đo điện tim gắng sức, dùng để in kết quả sau đo.	Cuộn	120
17	Giấy điện tim 6 cân	- Kích thước: (110 x140)mm, số lượng 143 tờ/tập. - Chất liệu bằng giấy in nhiệt, có 1 mặt được in dòng kẻ sẵn đếm nhịp điện tim. - Lớp nhiệt tiêu chuẩn với độ nhạy tiêu chuẩn và độ bền hình ảnh từ 1-5 năm. - Giấy sử dụng được cho máy điện tim 6 cân (model: ECG-1250K - hãng sản xuất Nihon Kodan/Nhật Bản).	Cuộn	160
18	Băng Uργο	- Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate. - Keo Zinc oxide không dùng dung môi phù đều, - Nguyên liệu các nước G7. - Được lưu hành tại các nước liên minh Châu Âu. - Tiêu chuẩn CE. Kích thước 5cm x 5m	Cái	8,500
19	Gel bôi trơn	Trong suốt, không màu, không mùi. Tan trong nước và rửa sạch bằng nước thường. Thành phần chính: Water, Hydroxyethyl cellulose, glycerine, natri hydroxid, sodium benzoat. Giới hạn nhiễm khuẩn: - Mẫu thử phải không có sự hiện diện của các vi khuẩn sau: Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Candida albicans. Tổng số nấm trong 1g (ml) mẫu thử, nhỏ hơn 10 ¹ (CFU/g hoặc CFU/ml). Tổng số vi sinh vật hiếu khí: < 10 ² (CFU/g hoặc CFU/ml). ISO 9001:2015; ISO 13485:2016	Gam	2,542
20	Ống nghiệm nước tiểu thủy tinh	Chất liệu thủy tinh dùng để đựng nước tiểu xét nghiệm. Thể tích 10ml (đường kính 16mm, cao 160mm, dày 0,6mm)	Cái	8,000

III. Các trang thiết bị phục vụ công tác khám sức khỏe định kỳ

STT	Tên hàng hóa	Đặc tính thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Đèn Clar	"- Rất nhẹ (150g), giúp cho Bác sĩ làm việc lâu không bị mỏi cổ. - Bóng đèn Led ánh sáng trắng công suất cao, cho ánh sáng trung thực, tuổi thọ cao. - Gương cầu được chế tạo chính xác giúp tạo độ gom tròn, có thể điều chỉnh được từ 1cm đến	Cái	2

lgy

		<p>6cm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Pin sạc dung lượng cao, một lần sạc dùng liên tục từ 6-8 giờ. - Trọng lượng: 380 gram - Pin sạc tích hợp trên thân đèn - Nguồn: 220V" 		
2	Máy in phun màu đa năng	<p>Loại máy: Đa năng in phun màu Chức năng: In, Scan, Copy Khổ giấy in: Tối đa khổ A4. Plain paper (80g/m2) Tốc độ in: 33 ppm / 15 ppm (Black/Colour) Độ phân giải: 5760 x 1440 dpi (with Variable-Sized Droplet Technology) Chuẩn kết nối: Hi-Speed USB 2.0</p>	Cái	2
3	Máy nội nha không dây	<p>"- Máy điều chỉnh lực torque chính xác. - Máy có màn hình hiển thị OLED kỹ thuật số sắc nét. - Màn hình máy có thể tự động xoay phù hợp cho cả người dùng thuận tay phải hoặc tay trái. - Máy có pin lithium dung lượng 1500mAh. - Máy có chức năng kiểm soát vùng chóp. Vị trí cây file được thể hiện trên màn hình và máy tự động đảo chiều quay khi cây file đạt đến chiều dài làm việc đã được cài đặt sẵn, để ngăn ngừa trường hợp file đi quá chóp. - Kẹp file của máy có thể được sử dụng để định vị ống tủy bằng trầm tay. - Máy được thiết kế với công nghệ đa tần mang lại độ chính xác cao. - Máy được thiết kế nguyên khối với 1 đầu khuỷu nhỏ. - Máy được điều chỉnh quay 340°. - Máy có động cơ không chổi than vận hành hiệu quả, tuổi thọ cao. - Máy được cài đặt sẵn các chương trình giúp nhanh chóng chuyển đổi giữa các hệ thống trầm mà không cần bộ nhớ lực torque/ cài đặt tốc độ. - Máy được tích hợp chế độ định vị chóp, có thể dùng độc lập khi kết nối dây đo thủ công."</p>	Cái	1
4	Máy định vị chóp	<p>"- Tốc độ quay: 120-650 vòng/ phút - Màn hình 3.5 inch hiển thị sắc nét - Phạm vi mô- men xoắn: 0.5-4.0N.cm - Dung lượng pin: 1600mAh. Tay nội nha dùng liên tục từ 3-5 tiếng, màn hình máy định vị chóp dùng liên tục được từ 5-8 tiếng."</p>	Cái	1
5	Sensor kỹ thuật số	<p>Loại chip: COMS APS Kích thước: 27,5 x 38,5 mm Phạm vi hoạt động: 22,5x30mm Kích thước hình ảnh: 1,9 m (1600x1200)</p>	Cái	1

ky

6	Xquang cận chóp cầm tay	<p>"- Đầu chụp: Canon D-045 - Góc cực dương Anode: 12.5° - Điểm tiêu cự: 0.4mm - Khoảng thời gian phơi sáng: 0.04s-2.0s - Lượng bức xạ rò rỉ: 1meter 0.25mGy/h - Trọng lượng máy: 1.7kg - Độ ẩm tương đối: 30%RH~75%RH"</p>	Cái	1
7	Huyết áp cơ	<p>Đồng hồ chuẩn có vạch chia từ 20 ~300mmHg Độ chính xác ± 3mmHg Hệ thống ống dẫn khí, quả bóp bằng chất liệu cao su chống oxy hoá có độ bền cao Vòng bít làm bằng chất liệu vải có độ bền cao Hệ thống dây dẫn khí bằng cao su cao cấp chống oxy hoá. Đồng hồ áp lực hiển thị áp suất chuẩn (không bị lệch điểm không) Tai nghe có độ khuếch đại lớn, nghe êm, không đau tai. Ống dẫn bằng chất liệu cao su chống oxy hoá Bộ phận khuếch đại âm thanh làm bằng chất liệu Aluminum, màng khuếch đại có độ nhạy âm cao</p>	Cái	8
8	Huyết áp điện tử	<ul style="list-style-type: none"> • Khoảng đo: 0 – 299 mmHg Nhịp tim 40 tới 180 nhịp/phút • Độ chính xác: +/- 3mmHg hoặc 2% kết quả đo • Kích thước máy: 107 x 79 x 141mm • Trọng lượng máy: 280g (chưa bao gồm pin) • Nguồn điện: 4 viên pin AA • Vòng bit: size M (chu vi bắp tay từ 22 – 32cm) • Trọng lượng vòng bit: 130g (size M) • Bộ nhớ: 90 lần đo cùng ngày giờ 	Cái	2
9	Máy test đường máu	<p>"100% kết quả đo nằm trong vòng sai số ±10 mg/dL với Pp chuẩn ở nồng độ <100mg/dL hoặc 5.55 mmol/L 100% kết quả đo nằm trong vòng sai số ±15% với Pp chuẩn ở nồng độ ≥100mg/dL hoặc 5.55 mmol/L - Phạm vi đo Glucose là 10 - 600 mg/dL, hoặc 0,6 - 33,3mmol/L - Giới hạn hematocrite là 10 - 65%, - Đo được 4 loại máu (mao mạch, tĩnh mạch, động mạch, máu trẻ sơ sinh) - Thử được ở những vị trí khác nhau như: đầu ngón tay, lòng bàn tay, cánh tay hoặc bắp tay - Thời gian đo <4 giây - Mẫu máu đo 0.6µL - Vùng nhận máu rộng khoảng 5 mm giúp dễ dàng lấy máu - Sử dụng men thử FAD-GDH</p>	Cái	1

ky

10	Máy đo huyết áp tự động (đo bắp tay)	<p>"Có cảm biến phát hiện khuỷu tay và sự di chuyển của cánh tay, chỉ định vị trí đo phù hợp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Băng đo có khả năng di chuyển được - Máy đo được cả tay trái và tay phải - Màn hình hiển thị kỹ thuật số - Phương thức đo: dao động kế - Bơm phồng: tự động - Dữ liệu đo lường có thể được truyền trực tiếp qua USB bằng cách kết nối đến một thiết bị đầu cuối - Dải đo: Huyết áp từ khoảng 0 đến ≥ 299 mmHg - Nhịp mạch: 40 - ≥ 180 nhịp/phút - Độ chính xác: Huyết áp ± 3mmHg, nhịp tim $\pm 5\%$ của kết quả đo - Chu vi cánh tay của băng đo: 17 - ≥ 42 cm - In kết quả tự động sau khi đo - Bao bọc vòng bít có thể tháo ra và giặt bằng tay để vệ sinh" 	Cái	1
11	Máy ly tâm	<p>"-Loại máy ly tâm 12 ống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ quay: 300-4000 rpm, gia tốc 100rpm - Lực ly tâm tối đa RCF: 1800 x g - Độ chính xác tốc độ: ± 20 rpm - Rotor: 50ml x 6 / 15ml x 6 - Màn hình LCD - Thời gian ly tâm: 30 giây --> 99 phút / liên tục - Động cơ: DC không chổi than - Thời gian tăng / giảm tốc [giây]: 20giây↑20giây / 90giây↓ - Hệ thống bảo vệ: Khóa nắp, kiểm tra quá tốc độ, tự động chuẩn đoán nội bộ - Nguồn điện: 1 pha, 220V, 50/60Hz, 3A70W - Kích thước (W x D x H): 354 x 304 x 215mm - Trọng lượng: 6 kg" 	Cái	1
12	Cân sức khỏe có thước đo chiều cao	<p>"- Cân trọng lượng có thước đo chiều cao TZ - 120</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chức năng: Cân trọng lượng cơ thể và đo chiều cao - Trọng lượng cơ thể: Max: 120kg. Min: 0.5kg - Đo chiều cao: Phạm vi đo 70-190cm. Min: 0,5 cm. Dung sai $\pm 0,5$cm - Kích thước mặt bàn cân: (280 x 380)mm - Kích thước tổng thể: (950 x 300 x 290)mm - Trọng lượng: 14kg - Trục cân TZ-120 được gắn với đế gang bằng 03 con ốc, rất dễ dàng lắp đặt" 	Cái	2

lhy